

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2022/HS-ST

Ngày: 21/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh

2. Ông Trần Văn Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 979/2021/TLST- HS ngày 15 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5022/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm L.C, giới tính: nam; Sinh ngày: 23/11/1986 tại Tp.Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: D20/16 ấp 4A, xã V.L.B, huyện B.C, Tp.Hồ Chí Minh; nơi cư trú: D20/25A ấp 4A, xã V.L.B, huyện B.C, Tp.Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H và bà: Võ Thị Thu C; có vợ và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 29/09/2004, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 1791/HSST). Ngày 25/01/2006, chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam T.Đ-Bộ Công an, bị can đã đóng án phí. Ngày 29/12/2006, Tòa án nhân dân quận B.Tn xử phạt 10 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 230/HSST). Đến ngày 09/6/2015, chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam T.Đ Bộ Công an, bị can đã đóng án phí.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2021 (BL18) đến ngày 21/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Đặt tiền để bảo đảm”. Bị cáo tại ngoại đến nay (có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị Thu C, sinh ngày: 20/10/1965

Nơi thường trú: D20/16 ấp 4A, xã V.L.B, huyện B.C, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/5/2021, sau khi tiếp nhận tin báo về tội phạm xảy ra trước nhà số 4A5 B.Th, Phường B.H.H B có một nhóm đối tượng có biểu hiện thanh toán nhau, Công an quận B.Tn đến hiện trường thì phát hiện 01 xe ô tô Honda Civic 05 chỗ màu đỏ, biển số 51H – 91B.3A có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Ngồi tại vị trí lái xe là Cao H.Đ (sinh năm 1992; HKTT: thôn L.Tg, xã Đ.P, huyện M.Đc, tỉnh Q.N; Chỗ ở hiện nay: 43/5 P.V.H, ấp N.Ln, xã B.Đ, huyện H.M, Tp. Hồ Chí Minh). Cùng lúc này, Phạm L.C (sinh năm 1986; HKTT: D20/16 ấp 4A, xã V.L.B, huyện B.C, Tp. Hồ Chí Minh) và Phạm V.P (tên gọi khác là T.N; sinh năm 1991; HKTT: 317/8 B.Th, phường B.H.H B, quận B.Tn; Chỗ ở: 315/17 N.T.T, B.H.H B, quận B.Tn) đứng trong quán nước tại địa chỉ 4A5 B.Th (cách xe ô tô H.Đ đang đỗ 25m), khi thấy lực lượng Công an thì Phạm L.C ném 01 túi vải màu xanh vào nhà số 4A5 B.Th và cùng V.P đi ra ngoài. Công an quận B.Tn đã giữ L.C, V.P lại và kiểm tra túi vải mà L.C ném, phát hiện bên trong có 01 khẩu súng ngắn loại K59, trong hộp tiếp đạn có 07 viên đạn, kiểm tra người của L.C tại túi quần trước bên phải phát hiện 08 viên đạn màu vàng đồng, để trong khung nhựa. Công an quận B.Tn mời các đối tượng về trụ sở làm rõ vụ việc và tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan.

Phạm L.C khai nhận: khẩu súng ngắn K59 có 07 viên đạn trong hộp tiếp đạn cất trong túi vải mà L.C ném vào nhà số 4A5 B.Th, phường B.H.H B và 08 viên đạn tại túi quần trước bên phải là L.C mua từ khoảng tháng 9/2020 của đối tượng tên “H.Đn” (không rõ lai lịch) ở Quận Q với giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Ngày 06/5/2021, L.C có mâu thuẫn với một đối tượng tên H.Đ (không rõ lai lịch) nên hẹn nhau giải quyết mâu thuẫn tại nhà H.Đ (nhà không số) đối diện nhà số 3Y4/X6/6A/4D Q.LAA, phường B.H.H B, quận B.Tn, Tp. Hồ Chí Minh. L.C mượn xe ô tô hiệu Honda Civic màu đỏ, biển số 51H – 91B.3A của em trai là Phạm L.Tr và nhờ Cao H.Đ điều khiển chở đi. L.C khai khi đi mang theo súng, đạn là để phòng thân, không có ý định sử dụng. L.C chỉ nói với H.Đ, L.Tr là đi giải quyết công việc riêng tại xã V.L.B, huyện B.C. Trên đường đi L.C gọi cho Phạm V.P (bạn của L.C) rủ cùng đi để đứng ra giải quyết mâu thuẫn giữa L.C với H.Đ. Khi L.C, H.Đ, V.P đến điểm hẹn nêu trên nhưng không gặp H.Đ nên cả ba quay về. Trên đường về, H.Đ gọi điện thoại cho L.C đổi địa điểm, hẹn gặp tại địa chỉ 485A B.Th, phường B.H.H B, quận B.Tn. Khi đến nơi, H.Đ dừng xe đỗ cách nhà số 4A5 B.Th khoảng 25m và L.C, V.P bước vào quán đợi H.Đ. Khoảng 5 – 10 phút sau, khi thấy lực lượng Công an đến kiểm tra thì L.C liền ném túi vải có chứa khẩu súng ngắn có sẵn 07 viên đạn vào trong nhà 4A5 B.Th, phường B.H.H B, quận B.Tn và cùng V.P đi ra ngoài thì bị Cơ quan Công an lại kiểm tra tạm giữ như đã nêu trên.

Về đối tượng tên “H.Đn” và việc mua bán súng: khoảng đầu tháng 9/2020, L.C quen biết H.Đn và có trao đổi số điện thoại để liên lạc. H.Đn điện thoại rủ L.C đến khách sạn Nam Khánh (số 303, Âu Dương Lân, Phường 2, Quận Q, Tp. Hồ Chí Minh) chơi. Tại đây, H.Đn có cho L.C xem 01 khẩu súng K59 và 15 viên đạn và nói là đang cần tiền nên nhờ L.C tìm người bán giúp với giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). L.C nói là không biết ai cần mua nhưng L.C sẽ mua lại súng và sau này nếu H.Đn tìm được người nào khác mua súng thì L.C sẽ trả lại súng cho H.Đn. H.Đn đồng ý và đưa súng cho L.C, L.C trả tiền mặt cho H.Đn là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). L.C để súng, đạn vào túi vải và cất giấu ở nhà trọ (địa chỉ Phòng 13.07 lầu 13, chung cư MIA, xã Bình Hưng, huyện B.C, Tp. Hồ Chí Minh) và nhà mẹ ruột (địa chỉ: D20/25A ấp 4A, xã V.L.B, huyện B.C, Tp. Hồ Chí Minh).

Phạm V.P khai nhận: Ngày 06/5/2021 V.P được L.C rủ đi cùng để giải quyết mâu thuẫn giữa L.C với H.Đ thì V.P đồng ý. Lúc lên xe ô tô Honda Civic màu đỏ, V.P thấy L.C có mang theo 01 túi vải trước ngực nhưng không rõ bên trong chứa vật gì cho đến khi bị lực lượng Công an kiểm tra thì V.P mới biết bên trong túi L.C mang theo có súng. V.P không biết súng do đâu L.C có và mang theo để làm gì.

Cao H.Đ khai nhận: H.Đ là bạn của L.C và vào ngày 06/5/2021 H.Đ có mặt tại nhà của bà Võ Thị Thu C (mẹ của L.C và Phạm L.Tr). Tại đây, H.Đ thấy L.C mượn xe ô tô hiệu Honda Civic màu đỏ của L.Tr và nhờ H.Đ chở đi công việc ở khu dân cư V.L.B, phường B.H.H B, quận B.Tn vì H.Đ có bằng lái xe ô tô, L.C không nói cho H.Đ biết là đi giải quyết mâu thuẫn. H.Đ thấy L.C mang theo 01 túi vải nhưng không rõ bên trong chứa gì. Trên đường đi, H.Đ thấy L.C có nghe điện thoại của một người khác và nói hẹn gặp để giải quyết mâu thuẫn và trên đường đi có đón thêm Phạm V.P. H.Đ đưa L.C và V.P đến trước nhà số 106 đường số 1, phường B.H.H B, quận B.Tn cho L.C và V.P đi vào, còn H.Đ chờ ở trên xe. L.C và V.P đi vào nhưng không thấy ai và đi về, H.Đ nghe L.C nói “H.Đ” trốn rồi còn cụ thể ra sao thì H.Đ không biết. Trên đường về, L.C nghe điện thoại và yêu cầu H.Đ đưa đến đường B.Th, phường B.H.H B, quận B.Tn để giải quyết mâu thuẫn nhưng H.Đ cũng không rõ là chuyện gì. Khi đến nơi thì bị Cơ quan Công an kiểm tra xe. H.Đ chỉ biết L.C có súng ngắn và đạn khi Cơ quan Công an kiểm tra.

Phạm L.Tr khai nhận: L.Tr là em ruột của Phạm L.C. Khoảng 19 giờ ngày 06/5/2021, L.C đến nhà L.Tr (D20/25 ấp 4A xã V.L.B, huyện B.C) tìm L.Tr hỏi mượn xe ô tô Honda Civic màu đỏ, biển số 51H – 91B.3A của L.Tr đi công việc. Lúc đó có Cao H.Đ tại nhà L.Tr và H.Đ có bằng lái xe ô tô nên L.C nhờ H.Đ chở đi. L.Tr đồng ý cho L.C mượn xe, đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, L.Tr được người quen báo L.C và H.Đ bị Công an tạm giữ vì liên quan đến tàng trữ vũ khí quân dụng, xe ô tô cũng bị tạm giữ. L.Tr không biết việc L.C tàng trữ súng cũng như mượn xe đi giải quyết mâu thuẫn, chỉ biết L.C mượn xe đi công việc.

Ngày 10/5/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp. Hồ Chí Minh có kết luận giám định số 3035/KLGD-TT kết luận: Khẩu súng ngắn có số 4237 kèm hộp tiếp đạn gửi giám định là súng K59, cỡ nòng 9mm, súng còn đầy đủ các bộ phận, hoạt động bình thường. 15 (mười lăm) viên đạn (05 viên ký hiệu “13-2017”, 02 viên ký hiệu “S&B-9x9-14” và 08 viên ký hiệu “21”) gửi giám định là đạn quân dụng chưa qua sử dụng kích cỡ 9x18mm, thường sử dụng cho các loại súng ngắn có cỡ nòng 9mm như K59, CZ83....Căn cứ quy định tại Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 thì khẩu súng K59 và 15 viên đạn trên thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

Vật chứng vụ án (đã được liệt kê tại Lệnh nhập kho vật chứng số 26 Ngày 27/7/2021 của Cơ quan An ninh điều tra – Công an Tp. Hồ Chí Minh đối với vật chứng thu giữ của Phạm L.C, gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Motorola L7, 01 (một) túi vải và Lệnh nhập kho vật chứng tại Bộ Tư lệnh Tp. Hồ Chí Minh: 01 (một) khẩu súng ngắn bằng kim loại, kiểu súng K59 số 4327; 15 (mười lăm) viên đạn theo Lệnh nhập kho vật chứng số 43/2021 của Bộ Tư lệnh Tp. Hồ Chí Minh.

Vật chứng vụ án: Như cáo trạng số 523/CT-VKS-P2 ngày 26/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu.

Tại Bản cáo trạng số: 523/CT-VKS-P2 ngày 26/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo: Phạm L.C về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm L.C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo L.C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị

hại, người liên quan, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/5/2021, Công an quận B.Tn phát hiện Phạm L.C đang có hành vi ném 01 túi vải màu xanh vào nhà số 4A5 B.Th, phường B.H.H B, quận B.Tn, kiểm tra bên trong túi có 01 khẩu súng ngắn loại K59, trong hộp tiếp đạn có 07 viên đạn kiểm tra trong người của L.C tại tú quần trước bên phải phát hiện 08 viên đạn màu vàng đồng để trong khung nhựa. Qua xác minh làm rõ, bị cáo L.C khai nhận đã mua khẩu súng và số đạn trên từ đối tượng tên “H.Đ” (không rõ lai lịch) vào tháng 9/2020 với giá 25.000.000 đồng. Sau đó, L.C mang về nhà trọ ở địa chỉ Phòng 13.07 lầu 13 chung cư MIA, xã B.H, huyện B.C và nhà mẹ ruột tại địa chỉ D20/25A ấp 4A, xã V.L.B, huyện B.C cất giấu. Ngày 06/5/2021, bị cáo L.C mang theo số đạn và súng cất giữ trước đó, mượn xe ô tô của Phạm L.Tr (em ruột L.C) cùng các đối tượng Phạm V.P, Cao H.Đ đến địa chỉ 4A5 B.Th hẹn gặp, H.Đ (không rõ lai lịch) để đi giải quyết mâu thuẫn cá nhân. Khi thấy lực lượng Công an kiểm tra L.C đã có hành vi ném 01 túi vải màu xanh đựng súng và đạn như đã nêu trên vào nhà số 4A5 B.Th. Tại Bản kết luận giám định số 3035/KLGD-TT kết luận: 01 Khẩu súng ngắn có số 4237 kèm hộp tiếp đạn gửi giám định là súng K59, cỡ nòng 9mm, 15 viên đạn gửi giám định là đạn quân dụng chưa qua sử dụng thuộc nhóm vũ khí quân dụng theo Điều 3 Luật quản lý sử dụng vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017. Do đó, bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện quân sự của nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với các đối tượng Phạm V.P, Cao H.Đ, Phạm L.Tr do không biết việc L.C tàng trữ súng K59 cùng 15 viên đạn do đó không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với V.P, H.Đ, L.Tr đồng phạm về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo tuy không có tiền án tiền sự nhưng có nhân thân xấu đã từng bị đưa ra xét xử về tội xâm phạm quyền sở hữu của công dân, do đó cần cân nhắc xem xét tình tiết này khi lượng hình đối với bị cáo. Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân đang mang trong mình căn bệnh hiểm nghèo (HIV, AIDS) ở giai đoạn cuối, bị cáo còn con nhỏ sinh năm 2016 do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án khoan hồng để tạo điều kiện cho bị cáo còn có cơ hội chăm sóc gia đình và người thân trong những năm tháng còn lại của cuộc đời.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ Tại cơ quan điều tra, bà Võ Thị Thu C (mẹ bị cáo Phạm L.C) có đơn xin được đặt tiền để bảo đảm cho bị cáo L.C được tại ngoại. Ngày 16/7/2021, Cơ quan an ninh điều tra Công an Tp.Hồ Chí Minh đã ra Quyết định về việc đặt tiền để bảo đảm với số tiền bảo đảm là 100.000.000 đồng được nộp vào tài khoản tạm giữ số 39490906159400000 mở tại Kho bạc Nhà nước Quận B.Th, Tp.Hồ Chí Minh (theo Giấy nộp tiền BL251). Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 122 Bộ luật Tố tụng dân sự bị cáo L.C đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ như đã cam đoan tại Giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ khi được áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm ở cơ quan an ninh điều tra do đó số tiền 100.000.000 đồng trên cần được trả lại cho bà Võ Thị Thu C.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Motorola L7 thu giữ của bị cáo L.C, không có liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

+ Tiêu hủy đối với 01 túi đeo chéo bằng vải hình chữ nhật màu xanh đen có hoa văn màu trắng kích thước 21x24cm không còn giá trị sử dụng.

+ Đối với 01 Khẩu súng ngắn có số 4237 kèm hộp tiếp đạn gửi giám định là súng K59, cỡ nòng 9mm, 15 viên đạn giao Cơ quan An ninh điều tra (Phòng PA09) Công an TP.Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền căn cứ vào Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm L.C 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng có trừ đi thời hạn tạm giam trước đó từ ngày 07/5/2021 đến ngày 21/7/2021 đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 4 Điều 122 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho bà Võ Thị Thu C (mẹ ruột bị cáo Phạm L.C) số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền (BL251).

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

+ Trả lại cho bị cáo L.C 01 điện thoại di động hiệu Motorola L7 (số imei: ...4072/7; không kiểm tra được imei, tình trạng không có nguồn điện)

+ Tiêu hủy đối với 01 túi đeo chéo bằng vải hình chữ nhật màu xanh đen, có hoa văn màu trắng, kích thước 21x24cm không còn giá trị sử dụng.

+ Giao Cơ quan An ninh điều tra (Phòng PA09) Công an TP.Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền căn cứ vào Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 đối với: 01 Khẩu súng ngắn có số 4237 kèm hộp tiếp đạn gửi giám định là súng K59, cỡ nòng 9mm, 15 viên đạn.

(Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/182 ngày 27/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Tp.Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị hại; (1)
- Người liên quan; (1)
- Bị cáo; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ VĂN LỆ

Áp dụng tình tiết đầu thú cho bị cáo L.Tr.

Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử căn cứ vào chế định xóa án tích được quy định tại Chương X của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét trong trường hợp của Chu Văn Hoạt. Theo đó, căn cứ vào Điều 69, điểm b khoản 2 Điều 70; khoản 1 Điều 73 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, vào thời điểm bị bắt quả tang, Chu Văn Hoạt đã được xóa án tích nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận Bản án số 160/2011/HSST ngày 26/8/2011 vào phần nhân thân của bị cáo mà không xác định tình tiết tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo khi cân nhắc định khung hình phạt đối với bị cáo.